

Số: 1644404

|                                                | Mazda6 2.5L Signature Premium (GTCCC) | Kia K5 2.0 Premium                     |
|------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>874.000.000đ</b>                   | <b>904.000.000đ</b>                    |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                       |                                        |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4865 x 1840 x 1450                    | 4905 x 1860 x 1465                     |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2830                                  | 2850                                   |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5600                                  | 5490                                   |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 165                                   | 135                                    |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1550                                  | 1450                                   |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 2000                                  | 1900                                   |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 480                                   | 510                                    |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 62                                    | 60                                     |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                     | 5                                      |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước                      | SX-LR trong nước                       |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                       |                                        |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 2.5L                       | 2.0 MPI                                |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 2488                                  | 1999                                   |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 188 / 6000                            | 150 / 6200                             |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 252 / 4000                            | 192 / 4000                             |
| Hộp số                                         | 6AT                                   | 6AT                                    |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                       | Cầu trước (FWD)                        |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                    | McPherson                              |
| Hệ thống treo sau                              | Liên kết đa điểm                      | Liên kết đa điểm                       |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                   | Đĩa                                    |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                   | Đĩa                                    |
| Thông số lốp xe                                | 225/45 R19                            | 235/45 R18                             |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 9.57                                  | 10.95                                  |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 5.33                                  | 5.83                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 6.89                                  | 7.72                                   |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                     |                                        |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport                          | Normal / Comfort / Eco / Sport / Smart |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                       |                                        |
| Cụm đèn trước                                  | LED                                   | LED                                    |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                     | ●                                      |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | Đèn thích ứng thông minh ALH          |                                        |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                     |                                        |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                     | ●                                      |
| Đèn sương mù                                   | LED                                   | LED                                    |
| Cụm đèn sau                                    | LED                                   | LED                                    |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                                     | ●                                      |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                     | ●                                      |
| Cửa sổ trời                                    | ●                                     | ●                                      |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                                       |                                        |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                                     | ●                                      |

| Chất liệu ghế                        | Da (Nappa)              | Da              |
|--------------------------------------|-------------------------|-----------------|
| Ghế người lái chỉnh điện             | ●                       | ●               |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | ●                       | ●               |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | ●                       |                 |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát  | ●                       | ●               |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●                       | ●               |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | Analog & Digital        | Full LCD 12.3'' |
| Màn hình HUD                         | ●                       | ●               |
| Màn hình giải trí trung tâm          | 8                       | AVN 10.25       |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | ●                       | ●               |
| Hệ thống điều hòa tự động            | ●                       | ●               |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | 2                       | 2               |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | ●                       | ●               |
| Chìa khóa thông minh                 | ●                       | ●               |
| Khởi động nút bấm                    | ●                       | ●               |
| Hệ thống âm thanh                    | 11 loa Bose             | 12 loa Bose     |
| Lấy chuyển số                        | ●                       | ●               |
| Sạc không dây Qi                     | ●                       | ●               |
| Phanh đỗ điện tử                     | ●                       | ●               |
| Giữ phanh tự động Autohold           | ●                       | ●               |
| Rèm che nắng                         | ● (Chỉnh điện phía sau) | ●               |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | ●                       |                 |

#### AN TOÀN:

|                                                 |                |               |
|-------------------------------------------------|----------------|---------------|
| Số túi khí                                      | 6              | 6             |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●              | ●             |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●              | ●             |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●              | ●             |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●              |               |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●              | ●             |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●              |               |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●              | ●             |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●              | ●             |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●              |               |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & Sau    | Trước & sau   |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●              | ●             |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●              |               |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●              |               |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●              |               |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●              |               |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | -              | ●             |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ●              |               |
| Camera lùi                                      | ● (Camera 360) | ●(Camera 360) |